

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 36/2021/DSST

Ngày: 09-7-2021

“V/v kiện đòi tài sản”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Kim Chung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phi Đình.

2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 09-7-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2020/TLST -DS ngày 27 tháng 01 năm 2021 về “Kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST-DS ngày 08/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2021/QĐST-DS ngày 23/6/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Q, sinh năm 1976, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Tân L 2, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Lin Đ, có mặt.

Địa chỉ: Thôn 8a, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Theo văn bản ủy quyền ngày 01/02/2020).

- Bị đơn: Ông Phan Văn Tr, sinh năm 1977, vắng mặt.

Địa chỉ: Số 219 Hùng V, tổ dân phố Đạt H, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Lin Đ trình bày:

Bà Hồ Thị Q và ông Phan Văn Tr trước đây là vợ chồng. Do vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nên bà Q đã làm đơn xin ly hôn với ông Tr.

Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 111/2019/QĐST – HNGĐ ngày 04/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk anh Tr, chị Q thuận tình ly hôn, giải quyết về con chung, còn về tài sản chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vào ngày 08/9/2021 tại tổ dân phố Đạt H 3, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, giữa ông Tr và bà Q có thỏa thuận phân chia tài sản chung như sau: “*Chị Hồ Thị Q giao lại toàn bộ tài sản chung hiện có của vợ chồng cho anh Phan Văn Tr là đất rẫy và tài sản trên đất.*”

Anh Phan Văn Tr có trách nhiệm đứng ra trả toàn bộ khoản nợ vay của vợ chồng và anh Tr có trách nhiệm giao cho chị Q số tiền 600.000.000 đồng. Số tiền 6000.000.000 đồng anh Tr cam kết giao trước cho chị Q 100.000.000 đồng và ngày 30/12/2020 sẽ giao số tiền còn lại là 500.000.000 đồng”.

Tuy nhiên, sau khi lập văn bản thỏa thuận ông Tr không thực hiện cam kết mặc dù bà Q đã bàn giao toàn bộ tài sản chung của vợ chồng cho ông Tr quản lý và sử dụng, hiện nay ông Tr đã thu hoạch tất cả hoa màu trên đất (gồm Cà phê, Tiêu, Sầu riêng...), nay bà Hồ Thị Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Văn Tr phải tiếp tục thực hiện biên bản thỏa thuận, trả cho bà Hồ Thị Q số tiền 600.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phan Văn Tr trình bày:

Vào ngày 08/9/2020, tôi có ký xác nhận biên bản thỏa thuận về việc phân chia tài sản với bà Hồ Thị Q với nội dung như đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Thị Q đã trình bày ở trên.

Tôi thừa nhận chữ ký trong biên bản thỏa thuận ngày 08/9/2020 là do tôi ký xác nhận, nhưng tại thời điểm ký biên bản thỏa thuận, trong lúc tôi chỉ có một mình và tinh thần hoảng loạn, không tính toán kỹ bởi vì trong nội dung đã thỏa thuận mà tôi và bà Q xác định tài sản chung của vợ chồng là của bố mẹ tôi cho tôi, nên tôi không đồng ý trả số tiền 600.000.000 đồng cho bà Hồ Thị Q.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật kiện đòi tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phan Văn Tr đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và hậu quả pháp lý của việc vắng mặt bị đơn phải tự chịu theo quy định của pháp luật về quyền được pháp luật bảo vệ.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Q về việc yêu cầu ông Tr phải trả số tiền 600.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi bà Q và ông Tr có quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 111/QĐST-HNGĐ ngày 04/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Tại Quyết định về tài sản chung và nợ chung bà Q, ông Tr tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đến ngày 08/9/2020 bà Q và Ông Tr xác lập biên bản thỏa thuận, theo đó bà Q có nghĩa vụ giao lại toàn bộ tài sản chung hiện có của vợ chồng cho ông Tr và ông Tr có nghĩa vụ trả nợ toàn bộ khoản vay của vợ chồng và có trách nhiệm giao số tiền 600.000.000 đồng cho bà Q, ông Tr cũng thừa nhận đã ký xác nhận vào văn bản thỏa thuận. Như vậy, có căn cứ cho rằng giữa ông Tr, bà Q đã tự nguyện xác lập thỏa thuận chia tài sản sau ly hôn, phía bà Q đã giao toàn bộ tài sản và hiện nay ông Tr đã thu hoạch tất cả hoa màu trên đất (gồm Cà phê, Tiêu, Sầu riêng...), ông Tr là người có nghĩa vụ phải trả cho bà Q số tiền 600.000.000 đồng nhưng ông Tr không thực hiện thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền là bà Q, việc ông Tr cho rằng trong lúc xác nhận biên bản do tình thần hoảng loạn, không tính toán kỹ lưỡng nên đã ký vào biên bản thỏa thuận là không có cơ sở, nên HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của bà Q cần buộc ông Tr phải trả cho bà Q số tiền 600.000.000 đồng là phù hợp với khoản 1 Điều 351 Bộ luật dân sự.

[3.2] Về lãi suất: Do bà Q không yêu cầu ông Tr phải tính lãi suất, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 351 của Bộ luật dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Q. Buộc ông Phan Văn Tr phải trả cho bà Hồ Thị Q số tiền 600.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

Bị đơn ông Phan Văn Tr phải chịu 28.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Hồ Thị Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 14.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0018092 ngày 25/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15, kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tx. Buôn Hồ;
- Chi cục THADS Tx. Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký, đóng dấu)

Trương Kim Chung